

ỦY BAN DÂN TỘC	QUY TRÌNH Thẩm định dự án/điều chỉnh dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước nhóm B, C	Mã hiệu: QT-05.TC
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: / /2023

MỤC LỤC




SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

I. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

II. ĐỊNH NGHĨA, TỪ VIẾT TẮT VÀ TÀI LIỆU VIỆN DẪN

III. NỘI DUNG



Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ và tên	Trương Anh Tuấn	Nguyễn Mạnh Huân	Nông Thị Hà
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Vụ trưởng Vụ KHTC	Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm



ỦY BAN DÂN TỘC	QUY TRÌNH Thẩm định dự án	Mã hiệu: QT-05.TC
		Lần ban hành 01
		Ngày ban hành: / /2023

QUY TRÌNH

Thẩm định dự án/điều chỉnh dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước nhóm B, C

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban Dân tộc)

I. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

Quy trình này quy định trình tự, cách thức thực hiện và trách nhiệm thực hiện công tác Thẩm định chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án/điều chỉnh chủ trương, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước nhóm B, C và các dự án đầu tư khác theo đúng quy định của pháp luật.

II. ĐỊNH NGHĨA, TỪ VIẾT TẮT VÀ TÀI LIỆU VIỆN DẪN

2.1. Định nghĩa, từ viết tắt:

Từ viết tắt:

- TKCS:** Thiết kế cơ sở;
- TKKT:** Thiết kế kỹ thuật;
- TKBVTC:** Thiết kế bản vẽ thi công;
- TMĐT:** Tổng mức đầu tư;
- DTXDCT:** Dự toán xây dựng công trình;
- KHTC:** Kế hoạch - Tài chính

2.2. Tài liệu viện dẫn:

- Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
- Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư công;
- Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 06 ngày 9 tháng 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Các Quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan.

III. NỘI DUNG

3.1. Các bước thẩm định:

Bước 1.

Đơn vị thực hiện đề xuất chủ trương đầu tư dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nộp hồ sơ tại Vụ KHTC. Chuyên viên (văn thư) của Vụ có trách nhiệm tiếp nhận trình Vụ trưởng Vụ KHTC chỉ đạo, phân công giao việc.

a) Hồ sơ thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư dự án gồm:

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP:

- Tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án;
- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C theo quy định tại các Điều 29, 30, 31 của Luật Đầu tư công;

- Các tài liệu liên quan khác (nếu có)

- Số lượng hồ sơ thẩm định gửi Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định là 10 bộ.

b) Hồ sơ thẩm định dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng (Báo cáo nghiên cứu khả thi):

Căn cứ khoản 1 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP:

- Tờ trình thẩm định dự án, bao gồm: sự cần thiết đầu tư dự án; mục tiêu và những nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định dự án đầu tư công;

- Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo quy định tại Điều 44 của Luật Đầu tư công;

- Các tài liệu khác có liên quan phục vụ cho việc thẩm định dự án đầu tư công (nếu có).

c) Hồ sơ thẩm định dự án đầu tư công có cấu phần xây dựng (Báo cáo nghiên cứu khả thi):

Căn cứ khoản 2 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP; khoản 3 Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP:

- Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi và các tài liệu, văn bản pháp lý kèm theo;

- Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu);

- Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyển, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với công trình xây dựng theo tuyển; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng;

- Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường);

Các thủ tục về phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định. Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thực hiện thủ tục lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở theo cơ chế một cửa liên thông khi thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng thì chủ đầu tư nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy;

- Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có);

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có);

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án;

- Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;

- Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư, ngoài các nội dung quy định nêu trên, hồ sơ trình thẩm định phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng mức đầu tư; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).

d) Hồ sơ thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết dự án đầu tư Công nghệ thông tin

Thực hiện theo khoản 1 Điều 21, Điều 27, 28 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 6/9/2023 của Chính phủ.

Bước 2.

Chuyên viên được phân công chủ trì tham mưu thẩm định tiếp nhận hồ sơ từ văn thư Vụ Kế hoạch - Tài chính theo quy định.

3.2. Quy định thời gian giải quyết

Thời gian chuẩn của quy trình là thời gian quy định số ngày làm việc theo Bảng dưới đây, kể từ ngày cơ quan thẩm định nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (không tính thời gian điều chỉnh, bổ sung hồ sơ).

3.2.1. Thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư

TT	Đề xuất Chủ trương dự án	Số ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (ngày)
1	Thẩm định Đề xuất Chủ trương dự án / Đề xuất Chủ trương dự án điều chỉnh	
1.1	Nhóm B (điểm d khoản 6 Điều 9 NĐ40/2020/NĐ-CP)	Không quá 30 ngày
1.2	Nhóm C (điểm d khoản 6 Điều 9 NĐ40/2020/NĐ-CP)	Không quá 30 ngày
2	DA chỉ lập Báo cáo KT-KT	10 ngày
3	Cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án có trách nhiệm lấy ý kiến cơ quan được giao thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 33 của Luật Đầu tư công trong quá trình thẩm báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Căn cứ khoản 5 Điều 9 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP)	05 ngày
4	Gửi văn bản thông báo các nội dung cần thẩm tra (Nếu có yêu cầu Chủ đầu tư lựa chọn Tư vấn thẩm tra)	05 ngày

5	Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc nội dung trong các báo cáo không phù hợp với Điều 29, 30, 31 của Luật ĐT công, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan trình thẩm định hoàn chỉnh nội dung báo cáo (điểm d khoản 6 Điều 9 NĐ40/2020/NĐ-CP)	10 ngày (kể từ ngày nhận hồ sơ)
6	Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo người đứng đầu cấp Bộ, cơ quan trung ương cho phép gia hạn thời gian thẩm định (điểm d khoản 7 Điều 9 NĐ 40/2020/NĐ-CP)	Không quá 30 ngày

Chuyên viên được phân công chủ trì tham mưu thẩm định hồ sơ phải thực hiện đúng thời gian của quy trình, thực hiện kiểm tra kết quả của công đoạn trước chuyển giao để đảm bảo luôn chính xác và đúng theo quy định liên quan.

3.2.1. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi

TT	Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án	Số ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ (ngày)
1	Vụ KHTC gửi văn bản và hồ sơ liên quan đến các đơn vị lấy ý kiến về thiết kế cơ sở của dự án (nếu có)	10 ngày
2	Văn bản trả lời của đơn vị được đề nghị tham gia ý kiến dự án, thiết kế cơ sở (điểm c Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)	15 ngày – Nhóm B 10 ngày – Nhóm C
3	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án / Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án điều chỉnh không có cấu phần XD	
3.1	Nhóm B (điểm d khoản 1 Điều 19 NĐ 40/2020/NĐ-CP)	Không quá 30 ngày
3.2	Nhóm C (điểm d khoản 1 Điều 19 NĐ 40/2020/NĐ-CP)	Không quá 30 ngày

3.3.	Thời gian thẩm định thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư, mua sắm hệ thống Công nghệ thông tin kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ ((khoản 2 Điều 21 NĐ 73/2019/NĐ-CP)	- Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm B - Không quá 10 ngày đối với dự án nhóm C
4	Thẩm định thiết kế cơ sở/ thiết kế cơ sở điều chỉnh có cấu phần XD	
4.1	Nhóm B (khoản 2 Điều 19 NĐ 40/2020/NĐ-CP; khoản 3 Điều 59 Luật XD; khoản 16 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14)	Không quá 30 ngày, trong đó thời gian thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng không quá 25 ngày
4.2	Nhóm C (khoản 2 Điều 19 NĐ 40/2020/NĐ-CP; khoản 4 Điều 59 Luật XD; khoản 16 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14)	Không quá 20 ngày , trong đó thời gian thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng không quá 15 ngày
4.3	DA chỉ lập Báo cáo KT-KT; Đề cương và dự toán (khoản 2 Điều 19 NĐ 40/2020/NĐ-CP; khoản 4 Điều 59 Luật XD)	Không quá 20 ngày
5	Gửi văn bản thông báo các nội dung cần thẩm tra (Nếu có yêu cầu Chủ đầu tư lựa chọn Tư vấn thẩm tra) (điểm a Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP)	05 ngày
6	Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc nội dung trong các báo cáo không phù hợp với Luật ĐT công, cơ quan chủ trì thẩm định có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan trình thẩm định hoàn chỉnh nội dung báo cáo	10 ngày (kể từ ngày nhận hồ sơ)
7	Trường hợp cần gia hạn thời gian thẩm định thì cơ quan, tổ chức thẩm định báo cáo cơ quan cấp trên xem xét, quyết định việc gia hạn; thời gian gia hạn không quá thời gian thẩm định tương ứng được quy định (khoản 5 Điều 59 Luật XD)	- Nhóm B: Không quá 30 ngày, trong đó thời gian thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng không quá 25 ngày - Nhóm C: Không quá 20 ngày ,

		trong đó thời gian thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng không quá 15 ngày
--	--	---

3.3. Kiểm tra hồ sơ

Căn cứ văn bản hướng dẫn hồ sơ về thẩm định chủ trương đầu tư dự án/Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, Chuyên viên được phân công chủ trì tham mưu thẩm định tiếp nhận tiến hành kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc chưa đầy đủ: Chuyên viên được phân công chủ trì tham mưu thẩm định tiếp nhận trả hồ sơ và hướng dẫn cụ thể cho Người nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung.

3.4. Thẩm định hồ sơ

Căn cứ vào quy định tại các văn bản QPPL về thẩm định chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, Chuyên viên được phân công chủ trì tham mưu thẩm định tiến hành kiểm tra đối chiếu các nội dung chính sau:

3.4.1 Đối với thẩm định hồ sơ chủ trương đầu tư dự án

Căn cứ khoản 4 Điều 9 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ, Nội dung thẩm định gồm:

- Sự cần thiết đầu tư dự án;
- Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định;
- Sự phù hợp với các mục tiêu chiến lược; kế hoạch và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;
- Sự phù hợp với tiêu chí phân loại dự án nhóm B, C;
- Các nội dung quy định tại các Điều 30, 31 của Luật Đầu tư công, trong đó thẩm định cụ thể những nội dung cơ bản của dự án, bao gồm mục tiêu, quy mô, hình thức đầu tư, phạm vi, địa điểm, diện tích đất cần sử dụng, thời gian, tiến độ thực hiện, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường, các nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; khả năng thu hồi vốn và trả nợ trong trường hợp sử dụng vốn vay; dự kiến bố trí vốn;
- Hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

3.4.2 Đối với thẩm định hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi dự án không có cấu phần xây dựng

Căn cứ khoản 4 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ, Nội dung thẩm định gồm:

- Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định;
- Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Đầu tư công;

- Sự phù hợp giữa tổng mức đầu tư của dự án gắn với cân đối vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án; đánh giá các chi phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa lớn trong quá trình khai thác dự án;

- Tác động lan tỏa của dự án đến sự phát triển ngành, lĩnh vực, các vùng lãnh thổ và các địa phương; đến tạo thêm nguồn thu ngân sách, việc làm, thu nhập và đời sống người dân; các tác động đến môi trường và phát triển bền vững.

3.4.3 Đối với thẩm định thiết kế cơ sở dự án CNTT

Căn cứ khoản 3 Điều 21 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 6/9/2023 của Chính phủ, Nội dung thẩm định gồm:

- Sự phù hợp về thành phần, quy cách của thiết kế cơ sở so với quy định của pháp luật, bao gồm: thuyết minh thiết kế cơ sở, các sơ đồ thiết kế cơ sở, các tài liệu khảo sát và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

- Sự phù hợp với quy hoạch, chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin;

- Sự tuân thủ với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ hoặc Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh;

- Sự phù hợp của việc lựa chọn phương án công nghệ, kỹ thuật, thiết bị;

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật;

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở trong việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, cơ sở dữ liệu liên quan.

3.4.4 Đối với thẩm định thiết kế chi tiết và dự toán dự án CNTT

Căn cứ Điều 29 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 6/9/2023 của Chính phủ, Nội dung thẩm định gồm:

a) Nội dung thẩm định thiết kế chi tiết

- Sự phù hợp về thành phần, quy cách của thiết kế chi tiết so với quy định của pháp luật, bao gồm: các nội dung chính của thiết kế chi tiết, các tài liệu khảo sát và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan;

- Sự phù hợp với thiết kế cơ sở trong báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt và quy định của pháp luật có liên quan, trừ trường hợp dự án thực hiện lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

- Sự phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng;

- Sự tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ hoặc Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh;

- Sự hợp lý của giải pháp, thiết bị (nếu có);

- Sự phù hợp của biện pháp an toàn vận hành, phòng, chống cháy, nổ (nếu có).

b) Nội dung thẩm định dự toán

- Sự phù hợp giữa khối lượng thiết kế chi tiết và khối lượng dự toán;
- Sự phù hợp của việc áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật, mức chi, đơn giá; việc vận dụng định mức, đơn giá, phương pháp tính, các chế độ, chính sách có liên quan và các khoản mục chi phí trong dự toán theo quy định.

3.4.5 Đối với thẩm định hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi dự án có cấu phần xây dựng

Căn cứ khoản 5 Điều 18 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6/4/2020 của Chính phủ; khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 15 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, Nội dung thẩm định gồm:

- Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng;

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận;

- Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận, với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có);

- Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị;

- Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường;

- Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

- Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng.

3.4.6 Sau khi nghiên cứu xem xét tất cả các nội dung cần thẩm định của hồ sơ

a) Trong trường hợp có nội dung không phù hợp, không đạt yêu cầu, chuyên viên được phân công thụ lý báo cáo ngay cho Lãnh đạo Vụ KHTC, Tổ thẩm định trước khi thực hiện trao đổi thông tin với các bên liên quan (Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn) thông qua điện thoại, trao đổi trực tiếp hoặc lập văn bản thông báo để làm rõ.

b) Trường hợp việc làm rõ của các bên liên quan là không phù hợp hoặc không được thực hiện: Chuyên viên được phân công thụ lý soạn thảo văn bản thông báo chưa đủ điều kiện để thẩm định gửi cho Chủ đầu tư để điều chỉnh, bổ sung đầy đủ theo quy định.

c) Trường hợp nội dung hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu, chuyên viên được phân công thụ lý tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo dưới đây.

3.4.7 Sau khi nghiên cứu xem xét tất cả các nội dung cần thẩm định của hồ sơ

a) Trong trường hợp có nội dung không phù hợp, không đạt yêu cầu, chuyên viên được giao nhiệm vụ chủ trì tham mưu thẩm định báo cáo ngay cho Lãnh đạo Vụ KHTC hoặc họp Hội đồng thẩm định trước khi thực hiện trao đổi thông tin với các bên liên quan (Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn) thông qua điện thoại, trao đổi trực tiếp hoặc lập văn bản thông báo để làm rõ.

b) Trường hợp việc làm rõ của các bên liên quan là không phù hợp hoặc không được thực hiện: chuyên viên được giao nhiệm vụ chủ trì tham mưu thẩm định soạn thảo văn bản thông báo chưa đủ điều kiện để thẩm định gửi cho Chủ đầu tư để điều chỉnh, bổ sung đầy đủ theo quy định.

c) Trường hợp nội dung hồ sơ thẩm định đạt yêu cầu, chuyên viên được giao nhiệm vụ chủ trì tham mưu thẩm định tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo dưới đây.

3.5. Dự thảo kết quả thẩm định

Chuyên viên được giao nhiệm vụ chủ trì tham mưu thẩm định dự thảo phiếu trình Lãnh đạo Vụ KHTC (tổ thẩm định) hoặc Hội đồng thẩm định xem xét, gồm:

- Dự thảo kết quả thẩm định dự án;
- Dự thảo Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án/Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

3.5. Trình Lãnh đạo Ủy ban Phê duyệt:

- Đối với trường hợp không thành lập hội đồng thẩm định, chuyên viên được giao nhiệm vụ chủ trì tham mưu thẩm định sau khi được tổ thẩm định của vụ KHTC góp ý chỉnh sửa nội dung trình Lãnh đạo vụ KHTC ký báo cáo thẩm định, trình Lãnh đạo Ủy ban xem xét, phê duyệt theo quy định.

- Đối với trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định, chuyên viên được giao nhiệm vụ chủ trì tham mưu thẩm định sau khi được hội đồng thẩm định góp ý chỉnh sửa, bỏ phiếu nhất trí thông qua dự thảo báo cáo thẩm định, dự thảo Quyết định phê duyệt, hội đồng thẩm định trình Lãnh đạo Ủy ban xem xét, phê duyệt theo quy định./.